

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/KDTM-ST

Ngày: 20-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Nga
Ông Nguyễn Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S2;

Địa chỉ trụ sở: A B, phường T (Cũ là phường A, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thái C – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc K, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số D, đường N, phường B (Cũ là phường E, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên G;

Địa chỉ: Ấp C, xã T (C là xã T, huyện V), tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Sous S – Chức vụ: Giám đốc.

(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, các bản tự khai của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/5/2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S2 (Sau đây viết tắt là Công ty TNHH S2) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên G (Sau đây viết tắt là Công ty TNHH MTV G) ký Hợp đồng mua bán số 01.01/SHP-TS/2019 về việc mua bán S1 từ ngày 07/5/2019 đến ngày 31/12/2019. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì Công ty TNHH S2 cung cấp các sản phẩm sơn H8 cho Công ty TNHH MTV G. Phương thức thanh toán là ngày 15, tháng liền sau thanh toán hết toàn bộ công nợ tháng liền trước.

Tháng 7, 8 năm 2019 ông Sous S là người đại diện Công ty TNHH MTV G ký xác nhận Bảng chi tiết công nợ. Ngày 01/9/2019, ông Sous S ký xác nhận Bảng chi tiết công nợ đến ngày 31/8/2019 Công ty TNHH MTV G còn nợ Công ty TNHH S2 là 294.431.500đ.

Các bên tiếp tục việc mua bán sơn theo Hợp đồng từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2019. Sau đó, các tháng 01/2020, 02/2020, 3/2020, 6/2020 và tháng 07/2020 các bên không ký Hợp đồng mới nhưng vẫn mua bán sơn với nhau theo thỏa thuận của Hợp đồng mà các bên đã ký trước đó.

Việc mua bán sơn từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2019 và các tháng, năm 2020 được thể hiện trên các Hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT), Công ty TNHH MTV G cũng thanh toán được mỗi đợt một khoản tiền, cụ thể:

STT	Thời điểm xác nhận công nợ	Bảng chi tiết công nợ hoặc số hóa đơn GTGT	Số tiền mua hàng (đồng)	Số tiền đã trả (đồng)	Số tiền còn nợ (đồng)
1	tháng 8/2019	Bảng chi tiết công nợ đến 31/8/2019.			294.431.500
2	tháng 9/2019	Các hóa đơn số: 0006783; 0006812; 0006890; 0006969; 0007068.	299.246.200	50.000.000	249.246.200 + 294.431.500 = 543.677.700
3	tháng 10/2019	Các hóa đơn số: 0007219; 0007316; 0007464; 0007567; 0007590; 0007606.	335.489.000	244.431.500	634.735.200
4	tháng 11/2019	Các hóa đơn số: 0007694; 0007864; 0007948.	181.819.900	177.066.288	639.487.912
5	tháng 12/2019	Các hóa đơn số: 0008317; 0008335; 0008627; 0008604; 0008645; 0008651; 0008691; 0008702; 0008706; 0008725.	187.198.000	197.045.000	619.640.912
6	tháng 01/2020	Các hóa đơn số: 0008799; 0008827; 0008876; 0008935;	332.044.900	363.537.712	598.148.100

		0008963.			
7	tháng 02/2020	Các hóa đơn số: 0009095; 0009153; 0009190; 0009209; 0009366; 0009360.	284.212.500	266.112.000	616.248.600
8	tháng 3/2020	Các hóa đơn số: 0009393; 0009521; 0009637; 0009736.	269.962.000	265.312.500	620.898.100
9	tháng 6/2020	Các hóa đơn số: 0010655; 0010873.	154.605.000	0	775.503.100
10	tháng 7/2020	Các hóa đơn số: 0011180; 0011266; 0011282; 0011285.	116.215.000	111.062.400	780.655.700

Đại diện Công ty TNHH MTV G, ông Sous S có gửi cho Công ty TNHH S2 “Thông báo gia hạn thanh toán số 280/CVMN-TS” với nội dung gia hạn thanh toán toàn bộ công nợ vào cuối tháng 7/2020. Ngày 03/8/2020 nhân sự của Công ty là bà Trần Thị Thu T cũng ký Bảng chi tiết công nợ đến 31/7/2020 xác nhận công nợ là 780.655.700đ. Nhưng từ đó đến nay Công ty TNHH MTV G chưa thanh toán cho Công ty TNHH S2 thêm khoản tiền nào khác.

Do đó, Công ty TNHH S2 yêu cầu Tòa án: Buộc Công ty TNHH MTV G phải trả cho Công ty TNHH S2

- Tiền nợ gốc là: 780.655.700đ.

- Tiền lãi do chậm thanh toán từ 29/02/2020 tới thời điểm Công ty TNHH MTV G thanh toán, tạm tính tới ngày 29/02/2025 với mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng B tạm tính là 12%/năm là: 468.393.420 đồng.

Tổng số tiền là 1.249.049.120đ

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, ngày 20/07/2025 đại diện nguyên đơn Công ty TNHH S2 rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi chậm thanh toán. Công ty TNHH S2 chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH MTV G phải trả số tiền nợ gốc là 780.655.700đ.

Bị đơn Công ty TNHH MTV G:

Đã được Tòa án triệu tập để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn là Công ty TNHH S2 yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH MTV G, địa chỉ: Ấp C, xã T (cũ là ấp C, xã T, huyện V), tỉnh Đồng Nai thanh toán tiền còn nợ về việc mua bán sơn theo Hợp đồng mua bán sơn số 01.01/SHP-TS/2019 ngày 07/5/2019. Căn cứ các Điều 24, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại 2005; Điều 30, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai (Cũ là Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai)

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn Công ty TNHH MTV G đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vv... Tòa án đều đã nêu rõ nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, trong thông báo về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng, Tòa án còn hướng dẫn bị đơn có văn bản trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không trình bày quan điểm, ý kiến của mình, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án như đã được hướng dẫn và yêu cầu, đồng thời cũng không đến Tòa án làm việc. Như vậy, bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phản đối chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3.2. Hợp đồng mua bán sơn số 01.01/SHP-TS/2019 ngày 07/5/2019 giữa Công ty TNHH S2 do người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thái C ký kết về việc cung cấp các sản phẩm sơn H8 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên G do người đại diện theo pháp luật là ông Sous S. Như vậy, quan hệ mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn là có thực, được xác lập một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ đúng quy định tại các Điều 24, 34, 35, 37, 50 và Điều 55 Luật Thương mại năm 2005. Hai bên cũng đã thực hiện hợp đồng nên có giá trị hiệu lực thi hành giữa các bên.

3.3. Quá trình thực hiện hợp đồng: Theo Hợp đồng mua bán sơn số 01.01/SHP-TS/2019 ngày 07/5/2019 thì các bên thỏa thuận việc mua bán sơn từ ngày 07/5/2019 đến ngày 31/12/2019. Ngày 01/9/2019, ông Sous S ký xác nhận Bảng chi tiết công nợ đến ngày 31/8/2019, Công ty TNHH MTV G còn nợ Công ty TNHH S2 là 294.431.500đ. Từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2019 các bên tiếp tục

việc mua bán sơn theo Hợp đồng 01.01/SHP-TS/2019. Sau đó, các tháng 01/2020, 02/2020, 3/2020, 6/2020 và tháng 7/2020 các bên không ký Hợp đồng mới nhưng vẫn mua bán sơn với nhau theo thỏa thuận của Hợp đồng số 01.01/SHP-TS/2019. Căn cứ các giấy biên nhận hàng (các sản phẩm sơn), các Bảng chi tiết công nợ (31/7/2019, 31/8/2019, 31/7/2020), các Hóa đơn giá trị gia tăng (từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2019 và các tháng 01/2020, 02/2020, 3/2020, 6/2020, 7/2020) và Thông báo gia hạn thanh toán số 280/CVMN-TS của Công ty TNHH MTV G thể hiện: Từ tháng 5/2019 đến tháng 7/2020, Công ty TNHH S2 đã bán và giao nhiều sản phẩm sơn theo thỏa thuận đã giao kết với Công ty TNHH MTV G. Công ty TNHH S2 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận. Tổng số tiền công nợ được Công ty TNHH MTV G xác nhận còn nợ của Công ty TNHH S2 là 780.655.700đ. Hết thời hạn gia hạn thanh toán công nợ, Công ty TNHH S2 đã yêu cầu nhưng Công ty TNHH MTV G vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm qui định tại các Điều 50, 55 Luật Thương mại năm 2005.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Do Công ty TNHH S2 rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi chậm thanh toán. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Do có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch. Trả lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai phù hợp với tài liệu, chứng cứ và với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 203, 207, 227, 228, 271, 273 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 431, 432, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 24, 34, 35, 37, 50, 55 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S2 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên G.

- Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên G phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S2 số tiền còn nợ là

780.655.700 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu, sáu trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

2. Về án phí:

2.1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên G phải chịu 35.226.228 đồng (Ba mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm hai mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch.

2.3. Trả lại 24.736.000 đồng (Hai mươi tư triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn S2 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0025321 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Huy Công